



PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HDND ngày 05/10/2026 của HDND xã Nghinh Tường)

Đvt: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư thực hiện	Thời gian khởi công và hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án/QĐ phê duyệt quyết toán						Kế hoạch đầu tư công năm 2026	Trong đó: Vốn					Ghi chú	
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Vốn					Tổng số	Trong đó					
							NSTW	Tỉnh	Kinh phí ngân sách tỉnh (vốn xi măng)	Xã			Nguồn vốn khác (nhân dân đóng góp)	NS trung ương	NS tỉnh	Kinh phí ngân sách tỉnh (vốn xi măng)		NS xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Tổng số					24.840,12704	10.938,63617	7.860,70987	2.005,00000	2.273,78100	1.762,00000	9.645,12704	9.645,12704	4.248,63617	4.103,70987	1.064	228,781	
	Dự án khởi công mới năm 2026-2030					24.840,12704	10.938,63617	7.860,70987	2.005,00000	2.273,78100	1.762,00000	9.645,12704	9.645,12704	4.248,63617	4.103,70987	1.064	228,781	
I	Hợp phần thứ nhất					11.320,12704	7.260,63617	603,70987	1.465	228,781	1.762	4.510,12704	4.510,12704	2.735,63617	603,70987	942	228,781	
1	Nội dung thành phần 02					11.320,12704	7.260,63617	603,70987	1.465	228,78100	1.762	4.510,12704	4.510,12704	2.735,63617	603,70987	942	228,781	
*	Nội dung 01					10.455	6.728	500	1.465	-	1.762	3.645	3.645	2.203	500	942	-	
-	Đường bê tông xóm Thượng Lương đi Thiện Long, Bình Gia	Xã Nghinh Tường	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã	2026-2028	Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 14/9/2026	7.000	6.325		675			1.952	1.952	1.800		152		Khối lượng xi măng khoảng là 100 tấn
-	Đường bê tông ngõ xóm, ngõ thôn xã Nghinh Tường năm 2026	Xã Nghinh Tường	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã	2026-2027	Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 02/10/2026	3.455	403	500	790		1.762	1.693	1.693	403	500	790		Khối lượng xi măng khoảng 520 tấn. Giao UBND xã phân bổ chi tiết đến từng công trình đường bê tông ngõ xóm, ngõ thôn
*	Nội dung 03					865,12704	532,63617	103,70987		228,781		865,12704	865,12704	532,63617	103,70987		228,781	
-	Kè chống sạt lở tại đường trần Bàn Nưa xã Nghinh Tường	Xã Nghinh Tường	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã	2026-2028	Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 29/9/2026	865,12704	532,63617	103,70987		228,781		865,12704	865,12704	532,63617	103,70987		228,781	
II	Hợp phần thứ hai					13.520	3.678	7.257	540	2.045	0	5.135	5.135	1.513	3.500	122	0	
1	Nội dung thành phần 1					13.520	3.678	7.257	540	2.045	0	5.135	5.135	1.513	3.500	122	0	
*	Nội dung 01					13.520	3.678	7.257	540	2.045	0	5.135	5.135	1.513	3.500	122	0	

-	Trường MN Nghinh Tường. HM: Phòng thư viện, phòng học, phòng nhân viên, Bếp ăn, công, kê, tường bao; nhà Bảo vệ, cải tạo nhà để xe	Xã Nghinh Tường	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã	2026-2028	Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 14/9/2026	6.020	3.678		297	2.045		1.574	1.574	1.513		61		Khối lượng xi măng khoảng 40 tấn
-	Trường TH Nghinh Tường. HM: Nhà lớp học 02 tầng, 8 phòng học tại điểm trường Na Cà	Xã Nghinh Tường	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã	2026-2028	Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 29/9/2026	5.500		5.257	243			2.061	2.061		2.000	61		Khối lượng xi măng khoảng 40 tấn
-	Sửa chữa Phân hiệu Trường MN Nghinh Tường. HM: Nhà hiệu bộ, nhà lớp học, nhà bếp, sân trường, hàng rào	Xã Nghinh Tường	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã	2026-2028	Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 29/9/2026	2.000		2.000				1.500	1.500		1.500			